TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảnánsố: 24/2020/DS-ST
Ngày 18-5-2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T-TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Ngô Khắc T

2.Bà Nguyễn Ngọc Nh

-***Thư ký phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Anh K - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân T.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T: bà Nguyễn Thị Kim Ng-Kiểm sát viên.

Các ngày 15, 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* ông Lê Thanh Nh, sinh năm 1990

Địa chỉ: số 96 ấp Bằng Lăng, xã Tân N, huyện Tân T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Thanh Nh: ông Phan Văn C, sinh năm 1958. Địa chỉ: ấp Gò Nôi, xã Nhơn H, huyện Tân T, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 20/11/2019) có mặt.

2.*Bị đơn*: ông Lưu Văn T, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Hải Hưng, xã Nhơn H, huyện Tân T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn ông Lê Thanh Nh và người đại diện theo ủy quyền có ông Phan Văn C trình bày: Tháng 8/2017 ông

Nh cho ông T vay 100.000.000đồng, thỏa thuận lãi 5%/ tháng, ông Nh viết biên nhận ông T ký tên, hẹn cuối tháng 12/2017 trả tiền, đến tháng 9/2017 ông T có trả 5.000.000đồng tiền lãi. Tháng 4/2018 ông Nh và ông T thỏa thuận ông Nh viết lại biên nhận, nội dung biên nhận ông Nh cho ông T vay thêm 142.000.000đồng, lãi suất 5%/ tháng, nhưng không có ghi thời gian hẹn trả, ông T có trả tiếp 20.000.000đồng tiền lãi, tổng cộng trả tiền lãi 25.000.000đồng. Đến ngày 07/6/2019 ông T có nhu cầu vay vốn làm ăn nên ông Nh giao cho ông T thêm số tiền và cộng với hai biên nhận tháng 8/2017 và tháng 4/2018 ông T vay là 390.000.000đồng, lãi suất 2,5%/ tháng, thời gian đến ngày 07/8/2019 trả 390.000.000đồng, nhưng ông T không trả. Nay căn cứ kết quả giám định của Phân viên khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu ông T trả 390.000.000đồng và tính lãi 1,65%/tháng từ ngày 07/6/2019 đến ngày xét xử.

Nay căn cứ kết quả giám định của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ chí Minh yêu cầu ông T trả 390.000.000đồng và tính lãi 1,65%/tháng từ ngày 07/6/2019 đến ngày xét xử.

Bị đơn ông Lưu Văn T trình bày: Tháng 8/2017 ông vay tiền ông Nh 100.000.000đồng có biên nhận ông ký tên và thỏa thuận với nhau lãi 1.000.000đồng /ngày/1.000đồng không ghi thời gian trả mà nói miệng trả cuối tháng 12//2017. Đến tháng 9/2017 ông trả cho ông Nh 5.000.000đồng tiền lãi, do làm ăn khó khăn đến cuối tháng 12/2017 không trả tiền gốc. Đến tháng 4/2018 ông gửi trả tiếp 20.000.000đồng tiền lãi không có viết biên nhận nào khác ngoài biên nhận tháng 8/2017 và đến tháng 7/2019 ông trả cho ông Nh thêm 12.000.000đồng tiền lãi. Nay ông đồng ý trả ông Nh 100.000.000đồng tiền nợ gốc và chịu lãi suất theo quy định pháp luật tính từ tháng 8/2017 đến nay.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T phát biểu ý kiến:

Về việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Điều 26, 35, 39 BLTTDS năm 2015. Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử chưa đảm bảo theo khoản 1 Điều 203 BLTTDS.

Hội đồng xét xử tuy có thay đổi Hội thẩm nhưng vẫn đảm bảo theo quy định pháp luật. Đối với Thư ký thực hiện đúng nhiêm vụ theo quy định Điều 51 BLTTDS.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định pháp

luật tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa nhận thấy: ông Lê Thanh Nh cho ông Lưu Văn T vay ba lần gồm: tháng 8/2017 số tiền 100.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 5% thời hạn trả tháng 12/2017 và ông T trả 02 lần lãi vào tháng 9/2017 và tháng 4/2028 số tiền 25.000.000đồn; lần 02 vào ngày 05/7/2018 số tiền 142.000.000đồng, lãi suất 5%/ tháng nhưng không ghi thời gian trả. Tại phiên tòa đối với số tiền 100.000.000đồng, căn cứ lời khai hai bên lãi suất 5% tháng hay 1.000.000đồng /1.000đồng/ngày là vượt mức quy định Điều 468 BLDS. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn nên chấp nhận yêu cầu tính lãi tại Điều 468 BLDS từ tháng 8/2017 đến ngày 06/6/2019 đối với khoản nợ 100.000.000đồng. Vì nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 07/6/2019 của số tiền nợ 390.000.000đồng, lãi suất 1,65%/ tháng có viết giấy nhận nợ và kết quả giám định của Phân viện khoa học hình sự đối với hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 07/6/2019.Căn cứ Điều 463, 466, 468 BLDS năm 2015 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*:

1.1Tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" giữa ông Lê Văn Nh với ông Lưu Văn T là tranh chấp dân sự. Căn cứ Điều 26, 35, 39 BLTTDS năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về nội dung vụ án*:

2.1.Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án phía ông Nh cung cấp chứng cứ 01 hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 07/6/2019. Trong hợp đồng ngày 07/6/2019 có ghi 01 phần nội dung:" Ông/Bà Lê Thanh Nh đồng ý cho ông Lưu Văn T vay số tiền 390.000.000đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng)…" ký tên Lưu Văn T". Tại phiên tòa ông C trình bày tháng 8/2017 ông Nh cho ông T vay 100.000.000đồng ông T ký tên, biên nhận thì ông Nh cất giữ, đến tháng 05/7/2018 ông Nh với ông T thỏa thuận ký lại hợp đồng số tiền 142.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, đến ngày 07/6/2019 ông Nh và ông T làm lại hợp đồng tổng hợp 02 biên nhận trước ông T ký tên vay số tiền 390.000.000đồng. Nhưng ông T chỉ thừa nhận có vay của ông Nh 01 lần với số tiền 100.000.000đồng vào tháng 8/2017 (không nhớ ngày) biên nhận do ông Nh cất giữ, ngoài ra ông không có vay thêm khoản tiền nào khác.

Tại phiên H giải ngày 26/3/2020 Tòa án thông báo cung cấp chứng cứ chứng minh lời trình bày của các bên. Đối với số tiền 100.000.000đồng ông Nh

chứng minh tháng 8/2017 ông T có vay tuy không giấy tờ hay biên nhận nhưng tại phiên tòa ông T thừa nhận là tháng 8/2017 vay 100.000.000đồng, như vậy việc vay 100.000.000đồng vào tháng 8/2017 có thật vì hai bên ông Nh và ông T thống nhất.

Còn đối với số tiền vay 142.000.000đồng theo bản hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 05/7/2018 thì ông T không thừa nhận có vay ông Nh số tiền trên nhưng ông không đưa ra chứng cứ để chứng minh, còn bên ông C tại phiên tòa ông đưa ra chứng cứ chứng minh là hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 05/7/2018 có chữ ký của ông Lưu Văn T nhưng ông T không phản đối. Vì vậy chấp nhận biên nhận nợ ngày 05/7/2018 ông T có vay 142.000.000đồng là có thật. Ngoài ra tại phiên tòa ông Còn trình bày đến ngày 07/6/2019 ông T có nhu cầu vay thêm số tiền làm ăn nên ông Nh có giao thêm ông T 148.000.000đồng nên hai bên tổng hợp và làm lại hợp đồng ngày 07/6/2019, tổng cộng số tiền 390.000.000đồng, nhưng ông T không thừa nhận chữ ký tên của ông. Do đó ngày 28/4/2020 Tòa án thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và thông báo về việc đối chất để làm rõ số tiền tổng số tiền ông T vay của ông Nh trong hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 07/6/2019 nhưng ông T vắng mặt không có lý do.

Tại bản kết luận giám định số: 1305/CO9B ngày 24/02/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chữ ký dạng chữ viết "T", chữ viết họ tên" Lưu Văn T" dưới mục đại diện bên B trên "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền" đề ngày 07 tháng 6 năm 2019, ký hiệu A (nêu mục II.1.) so với chữ viết đứng tên Lưu Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 (nêu mục II.2.) là do cùng một người ký viết ra. Cũng như bản kết luận giám định số:1305/CO9B ngày 24/02/2020 Tòa án có giao cho ông T nhưng ông T không ký kiến gì, như vậy việc ông C trình bày khi làm hợp đồng ngày 07/6/2019 cho ông T vay thêm 148.000.000đồng là phù hợp với số tiền vay 390.000.000đồng thông qua bản kết luận giám định. Ngoài ra tại phiên tòa ông T thừa nhận có ký tên trong hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 07/6/2020.Từ đó có cơ sở xác định ông T có vay ông Nh số tiền 390.000.000đồng và trong hợp đồng ông T thỏa thuận thời hạn đến ngày 07/8/2019 trả nợ cho ông Nh, nhưng đến nay ông T không thực hiện nghĩa vụ là có lỗi và vi phạm hợp đồng với ông Nh, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Còn có cơ sở theo đề nghị của Kiểm sát viên.

Đối với số tiền lãi đã trả, tại phiên tòa ông C thừa nhận đến ngày 07/6/2019 ông T trả tổng số tiền lãi 25.000.000đồng trong đó tháng 9/2017 trả 5.000.000đồng và đến ngày làm lại hợp đồng vay tiền là ngày 07/6/2019 ông T tiếp trả 20.000.000đồng tiền lãi, nhưng ông T không thống nhất cho rằng tháng 9/2017có trả 5.000.000đồng và đến tháng 4/2018 trả tiếp 20.000.000đồng, ngoài ra đến tháng 07/2019 trả tiếp 12.000.000đồng, tổng cộng trả lãi cho ông Nh số tiền 37.000.000đồng. Tại biên bản H giải ngày 26/3/2020 Tòa án ra thông báo cho các đương sự cung cấp chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình nhưng đến

nay ông T không đưa ra chứng cứ để chứng minh ông đã trả lãi ông Nh tổng số tiền 37.000.000đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa ông C thừa nhận ông T có trả lãi cho ông Nh, tổng số tiền 25.000.000đồng, nhưng hai bên không xác định mức lãi suất là bao nhiêu %/ tháng mà chỉ nói số tiền lãi đã trả, như vậy cho thấy hai bên có tranh chấp về lãi suất. Căn cứ khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 có quy định: "Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ". Như vậy cần tính lại lãi suất 10%/ năm tức bằng 0,83%/tháng thời gian tính lãi lấy mốc là 30/8/2017 (vì hai bên tại phiên tòa thừa nhận vay tháng 8/2017 nhưng không xác định được ngày vay) đến ngày 06/6/2019 là 21 tháng 07 ngày được tính lãi như sau:100.000.000đồng x 0,83%/tháng x 21 tháng 07 ngày = 17.640.000đồng tiền lãi.

Còn đối với yêu cầu lãi phát sinh từ hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 07/6/2019, tại phiên tòa ông C yêu cầu ông T trả lãi với mức lãi suất 1,65% thời gian tính từ ngày 07/6/2019 đến ngày xét xử, còn ông T chỉ đồng ý và chấp nhận trả lãi từ tháng 8/2017 lãi suất 1,65%/ tháng đến ngày xét xử với số tiền 100.000.000đồng tiền gốc. Xét thấy Tòa án thông báo cung cấp chứng cứ, nhưng đến nay ông T không đưa ra giấy tờ hay hay chứng cứ chứng minh vay tiền ông Nh chỉ một lần vào tháng 8/2017, do đó ông C căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 07/6/2019 được Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh giám định nên yêu cầu tính lãi 1,65%/tháng là có căn cứ và có lợi cho ông T, như vậy từ ngày 07/6/2019 đến ngày 18/5/2020 là 11 tháng 11 ngày được tính như sau: 390.000.000đồng x 1,65% x 11 tháng 11 ngày = 73.359.000đồng tiền lãi, tuy nhiên được khấu trừ lại số tiền lãi ông C thừa nhận có nhận 25.000.000đồng tiền lãi của ông T như sau: 25.000.000đồng (đã trả) trừ 17.640.000đồng (tiền lãi được tính lại) = 7.360.000đồng, cho nên 73.359.000đồng – 7.360.000đồng = 65.999.000đồng tiền là là phù hợp đề nghị của Kiểm sát viên.

Đối với việc thế chấp giấy nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên ông C trình bày tuy trong hợp đồng vay tiền cá nhận có ghi nhận thế chấp thửa đất số 598, 798 diện tích 7.710m^2 số 206.QSDĐ/1005-LA nhưng thực tế là bản pho to copy không có công chứng hoặc chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, ngoài ra ông T không thừa nhận có thế chấp cho ông Nh bất cứ tài sản nào hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như ông C trình bày và hiện nay ông vẫn còn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến việc thế chấp tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với ông Nh, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì ông có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là Cấm chuyển dịnh tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 7.710m^2 do ông Nh cung cấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Lưu Văn T đứng tên được được ông Lưu Văn E tặng cho ngày 24/7/2019 theo

hồ sơ số 005833.TA.001 thuộc thửa 789, 1168 tờ bản đố số 4 vị trí tại ấp Bằng Lăng, xã Tân N, huyện Tân T, tỉnh Long An. Do đó Tòa án buộc thực hiện biện pháp đảm bảo số số 04/2019/QĐ-BPĐB ngày 25/10/2019 với nội dung: " Buộc ông Lê Thanh Nh, sinh năm 1990 phải gửi tài sản đảm bảo (tiền, khi khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá) giá trị 53.970.000đồng vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)-chi nhánh huyện Tân T và đồng thời có Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2019/QĐ-BPKCTT, ngày 25/10/2019 với nội dung Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với quyền sử dụng đất diện tích 7.710m^2 thuộc thửa đất số 797, 1168 tờ bản đồ số 4 đất tọa lạc tại ấp Bằng Lăng, xã Tân N, huyện Tân T, tỉnh Long An theo giấy CNQSD đất số CR 595663 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Lưu Văn Em vào ngày 19/7/2019 và tặng cho ông Lưu Văn T có xác nhận của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân T và tại phiên tòa ông C không yêu cầu thay đổi áp dụng biện pháp khẩn tạm thời. Nên xét thấy cần duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2019/QĐ-BPKCTT ngày 25/10/2019 của TAND huyện Tân T để đảm bào thi hành án cho ông Nh và khi nào có đơn yêu cầu Tòa án hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng:

Ông Lê Thanh Nh chi tiền giám định chữ ký 3.000.000đồng và chi phí tiền tàu, xe đi và về giao nhận tài liệu 2.400.000đồng, tổng cộng 02 khoản là 5.400.000đồng. Xét thấy đơn khởi kiện của ông Nh được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên ông T có nghĩa vụ trả lại ông Nh 5.400.000đồng chi phí giám định và tiền tàu xe đi và về.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử buộc ông Lưu Văn T có nghĩa vụ trả ông Lê Thanh Nh số tiền gốc 390.000.000đồng và tiền lãi 65.999.000đồng, tổng cộng 02 khoản là 455.999.000đồng.

[3]Về án phí dân sự: ông Lưu Văn T có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; ông Lê Thanh Nh không phải chịu án phí nên được hoàn trả theo quy định của pháp luật.

VÌ các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39BLTTDS; Điều 463, 466, 468 BLDS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh Nh.

1.Buộc ông ông Lưu Văn T có nghĩa vụ trả ông Lê Thanh Nh 455.999.000đồng (*Bốn trăm năm mươi lăm triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng)*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS năm 2015.

2.Ông Lưu Văn T có nghĩa vụ trả lại ông Lê Thanh Nh chi phí giám định chữ ký và tiền tàu xe đi về là 5.400.000đồng.

Tiếp tục duy trì bện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2019/QĐ-BPKCTT ngày 25/10/2019 của TAND huyện Tân T để đảm bảo thi hành án.

2.Về án phí: ông Lưu Văn T phải chịu 22.239.960đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho ông Lê Thanh Nh 10.000.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000606 ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
-*TAND tỉnh Long An*;
-*VKSND huyện Tân T;*
-*Chi cục THADS huyện Tân T;*
-*Các đương sự;*
-*Lưu VT, hồ sơ vụ án.*

TM-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hoàng